| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CÀNG LONG**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 48/2022/HS-ST
Ngày 27-7-2022

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.
*Các Hội Thẩm nhân dân:*
1. Ông Nguyễn Văn Thống; nghề nghiệp: Nhân viên y tế.
2. Ông Trần Anh Vũ; nghề nghiệp: Giáo viên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thạch Ươn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** 1. Ông Phạm Minh Lập - Kiểm sát viên.
2. Bà Đinh Thị Mộng Cầm – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2022/HSST, ngày 23 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2022/QĐXXST-HS, ngày 13 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1994 tại tỉnh Trà Vinh; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1950 (đã chết) và bà Trần Thị M, sinh năm 1954. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự: 01. Ngày 27/11/2021 bị Công an huyện Càng Long xử phạt hành chính với số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Tiền án: không.

Nhân thân: Vào ngày 07/12/2015 Tòa án nhân dân huyện Càng Long đình chỉ vụ án, do bị hại xin rút đơn yêu cầu khởi tố, về hành vi cố ý gây thương tích.

Bị cáo Nguyễn Thanh N đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 27/11/2021 đến ngày 30/11/2021 chuyển tạm giam cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

**2. Nguyễn Văn H**, sinh năm 1997 tại tỉnh Trà Vinh; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973 và bà Ngô Thị Ngọc A, sinh năm 1964. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự: không

Tiền án: 01. Vào ngày 15/8/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Càng Long xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản", chấp hành xong hình phạt vào ngày 28/02/2021, chưa được xóa án tích.

Bị cáo Nguyễn Văn H bị bắt tạm giam từ ngày 15/12/2021 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

**3. Nguyễn Đức L**, sinh năm 1995 tại tỉnh Vĩnh Long; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: không nghề nghiệp; Trình độ học vấn: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Con ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1978; có vợ tên Lâm Bảo N1, sinh năm 1997. Con: có 01 người, sinh năm 2016.

Tiền sự: 01. Ngày 16/11/2021 bị Công an thị trấn Càng Long xử phạt hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Tiền án: 03.

- Ngày 22/01/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Càng Long xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt vào ngày 20/9/2014.
- Ngày 12/8/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Càng Long xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt vào ngày 16/10/2018.
- Ngày 08/11/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Càng Long xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt vào ngày 20/10/2021, chưa được xóa án tích.

Bị cáo Nguyễn Đức L bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2021 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

**4. Lê Hữu T2,** sinh ngày 25/9/2002 tại tỉnh Trà Vinh; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Con ông Lê Văn T3, sinh năm 1978 và bà Phạm Thị C, sinh năm 1986. Vợ tên Trần Thị Kiều T4, sinh năm 2001. Con: có 01 người, sinh năm 2020.

Tiền sự, Tiền án: Không

Bị cáo Lê Hữu T2 bị bắt tạm giam vào ngày 12/4/2022 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

*Người bào chữa cho bị cáo Lê Hữu T2:* Bà Lục Khả Tú – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

**5. Lê Hữu N2,** sinh ngày 19/8/2004 tại tỉnh Trà Vinh; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: sửa xe; Trình độ học vấn: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Con ông Lê Văn T3, sinh năm 1978 và bà Phạm Thị C, sinh năm 1986. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không

Tiền sự: 01. Ngày 17/11/2021 bị Công an thị trấn Càng Long xử phạt hành chính số tiền 375.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo Lê Hữu N2 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/12/2021 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

*Người đại diện hợp pháp theo pháp luật cho bị cáo Lê Hữu N2:* ông Lê Văn T3, sinh năm 1978. Nơi cư trú: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo Lê Hữu N2:* Bà Phạm Thị Thiên Phương – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

- ***Bị hại:*** Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1997. Có mặt.
Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- ***Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Ngô Thị Ngọc A, sinh năm 1964. Có mặt.
Nơi cư trú: ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Anh Bùi Hoài B, sinh năm 1996. Có mặt.
Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Anh Huỳnh Nhựt N3, sinh năm 2004. Vắng mặt.
Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4. Anh Nguyễn Ngọc N4, sinh năm 2000. Vắng mặt.
Nơi cư trú: khóm T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5. Anh Hồ Vũ L1, sinh năm 1992. Vắng mặt.
Nơi cư trú: ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

6. Anh Võ Văn T4, sinh năm 1990. Vắng mặt.
Nơi cư trú: ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

7. Anh Lê Trọng H1, sinh năm 2001. Vắng mặt.
Nơi cư trú: khóm B, phường N, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

8. Chị Hà Thanh C1, sinh năm 2000. Vắng mặt có lý do.
Nơi cư trú: ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

9. Anh Nguyễn Duy T5, sinh năm 2004. Vắng mặt.
Nơi cư trú: khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

10. Ông Phạm Văn N5, sinh năm 1980. Có mặt.
Nơi cư trú: khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*2.8. Người làm chứng:*

Anh Dương Quốc C2, sinh năm 2002. Vắng mặt.
Nơi cư trú: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

***Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa:*** không có.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước, bị cáo Nguyễn Văn H hẹn gặp Nguyễn Văn C tại cầu Mỹ Huê thuộc khóm 5, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh để giải quyết mâu thuẫn. Bị cáo H cùng các bị cáo Nguyễn Thanh N; bị cáo Lê Hữu N2, bị cáo Lê Hữu T2; bị cáo Nguyễn Đức L đến tại khu vực cầu Mỹ Huê đợi sẵn.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 15/11/2021, Nguyễn Văn C điều khiển xe mô tô biển số 84L1-623.39 chở vợ tên Hà Thanh C1 và con tên Hà M (10 tháng tuổi) đi phía trước, cùng đi phía sau là Võ Văn T4 điều khiển xe mô tô, ngồi phía sau xe là Hồ Vũ L1 mang theo một cây dao tự chế dài khoảng 60cm và Lê Trọng H1 điều khiển xe Sirius cùng đến địa điểm trên. Khi nhóm C vừa xuống dốc cầu Mỹ Huê, bị cáo H phát hiện liền nhặt cục đá cặp lộ ném vào xe mô tô của C và T4. Lúc này các bị cáo N, N2, T2 và L thấy bị cáo H ném đá vào nhóm C, nên từ chổ ẩn núp (hai bên lộ) nhanh chóng cùng chạy ra truy đuổi để tấn công C. Sau khi bị ném đá C xuống xe định đánh nhau với H, trong lúc đánh nhau Nguyễn Văn C thấy các bị cáo N, N2, T2 và L đang chạy đến tấn công, nên C bỏ chạy thì bị cáo N2 cầm cây dao dài khoảng 40cm chém trúng vào vùng mông bên trái của C một cái, Nguyễn Văn C tiếp tục chạy được khoảng 10 mét thì bị cáo N nhặt được một cây dao tự chế dài khoảng 60cm do Hồ Vũ L1 làm rớt lại trên lộ nhựa và chém trúng vào chân bên phải một cái làm C té ngã quỵ xuống lộ nhựa (Quốc lộ 53), liền lúc này bị cáo L xông đến dùng chân đá trúng vào người C và cầm dao Thái Lan (đã quấn lại chỉ còn phần mũi dao khoảng 1,5cm) đâm trúng vào lưng bên trái của C một cái. Sau khi gây thương tích cho Nguyễn Văn C, tất cả các bị cáo H, N, N2, L và T2 cùng nhau bỏ trốn. Nguyễn Văn C bị thương nặng được đưa đến Trung tâm Y tế huyện Càng Long cấp cứu. Do vết thương nặng, Nguyễn Văn C được chuyển đến bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh để điều trị.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Đức L, Lê Hữu N2 và Lê Hữu T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đồng thời đã tự nguyện giao nộp hung khí gây án cho Cơ quan điều tra quản lý.

Tại bản kết luận giám định pháp y số: 150/21/TgT, ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Trà Vinh như sau:

- Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Gãy mâm chày phải. Còn dụng cụ kết hợp xương. Tỷ lệ: 15%.

+ Gãy chỏm mác phải. Còn dụng cụ kết hợp xương. Tỷ lệ: 5%.

+ Sẹo trung bình mặt trước gối phải. Tỷ lệ 2%.

+ Sẹo trung bình 1/3 trên mặt trước cẳng chân phải. Tỷ lệ 2%.

+ Sẹo trung bình vùng mông trái. Tỷ lệ 2%.

+ Sẹo nhỏ vùng vai lưng trái. Tỷ lệ 1%.

Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Nguyễn Văn C là: 25% và cơ chế hình thành vết thương trên

người Nguyễn Văn C là do ngoại lực tác động trực tiếp, vật gây ra thương tích trên là vật cứng có cạnh sắc, hướng từ trên xuống.

Tang vật thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Vision màu đỏ, biển số 84L1-357.07, đã qua sử dụng (số máy JF58E0524868);
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream màu xanh, biển số 84B1-124.85, đã qua sử dụng (số máy: 150FMG310467421);
- 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A12 màu xanh, màn hình cảm ứng, số IMEI: 354890387611540, đã qua sử dụng;
- 01 điện thoại di động Oppo A3S màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI1: 868125041092871, IMEI2: 868125041092863, đã qua sử dụng;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1901 màu xanh, màn hình cảm ứng, số IMEI: 3865308044441757, đã qua sử dụng;
- 01 điện thoại di động Oppo A15S màu xanh đen, màn hình cảm ứng, số IMEI1: 862562054818998 đã qua sử dụng;
- 01 nón kết màu đen - xám có chữ nón sơn, đã qua sử dụng;
- 01 áo sơ mi dài tay màu đen, trên cổ áo có chữ KOG, đã qua sử dụng;
- 01 quần Jean dài màu xám, trên lưng quần có chữ GREENPAN, đã qua sử dụng;
- 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, trên cổ áo có chữ MILANO, lưng áo có hình bông hồng màu đỏ, đã qua sử dụng;
- 01 quần Jean dài màu đen, trên lưng quần có chữ JEANS, đã qua sử dụng;
- 01 áo khoát dài tay màu xám, đã qua sử dụng;
- 01 quần sọt Jean màu đen, đã qua sử dụng;
- 01 cục gạch không nung (kt 4 x 4 x 8cm);
- 01 cục gạch không nung (kt 4 x 7 x 8cm);
- 01 cục đá (kt 8 x 13 x 9cm);
- 01 cây gậy 3 khúc bằng kim loại;
- 01 cây dao Thái Lan có tổng chiều dài 21cm (phần cán bằng nhựa màu vàng dài 10cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 11cm), phần mũi nhọn bị gãy;
- 02 cây ná bằng kim loại, có gắn dây thun, đã qua sử dụng;
- 01 bịch đạn bằng kim loại (đạn bắn ná), đã qua sử dụng;
- 01 đĩa DVD-R Verbatin, chứa 02 đoạn video clip được trích xuất từ camera quan sát khu vực trước Quốc lộ 53 thuộc khóm 5 và khóm 6, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh (theo hồ sơ vụ án).

Đối với cây dao bị cáo L sử dụng đâm gây thương tích cho C, bị cáo Lợi bỏ lại tại nhà ngoại của bị cáo T2 và bị cáo T2 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tại Cáo trạng số: 29/CT-VKSCL, ngày 23/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh N, Nguyễn Văn H, Lê Hữu N2 và Lê Hữu T2 về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và bị cáo Nguyễn Đức L về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại các điểm d, đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thanh N, Nguyễn Văn H, Lê Hữu N2, Lê Hữu T2 và Nguyễn Đức L thống nhất với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố các bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: "do Hà Thanh C1 (vợ C) có mâu thuẫn với bị cáo H cho nên C1 và C hẹn gặp bị cáo H tại cầu Mỹ Huê để giải quyết mâu thuẫn, do các bị cáo quen biết với bị cáo H nên đã đi cùng với bị cáo H đến cầu Mỹ Huê để hỗ trợ cho bị cáo H. Khi phát hiện nhóm bị hại C điều khiển xe môtô chở C1 đến thì bị cáo H nhặt cục đá ném vào xe của C và C1 làm xe ngã, liền lúc này các bị cáo nhanh chóng từ chổ ẩn nấp chạy ra rượt đuổi C, bị cáo N2 cầm dao chém trúng vào vùng mông trái của C một cái thương tích (qua giám định thì tỷ lệ thương tích 2%), bị cáo N nhặt được cây dao chém vào gối chân phải của C (qua giám định thì tỷ lệ thương tích 22%), tiếp theo bị cáo L nhìn thấy bị hại C bị chém té ngã xuống lộ nhựa nằm ôm chân, bị hại không còn sức kháng cự, bị cáo L vẫn tiếp tục xông đến đá vào người và dùng dao đang cầm trên tay đâm vào vùng lưng bên trái của bị hại một cái gây thương tích (qua giám định thì tỷ lệ thương tích 1%). Đối với bị cáo T2 được bị cáo H rủ đi theo H để giải quyết mâu thuẫn với nhóm của C, bị cáo T2 không trực tiếp gây thương tích cho C nhưng có đưa con dao cho bị cáo L để L đâm vào vai lưng C gây thương tích và thừa nhận thương tích của bị hại C là do các bị cáo gây ra".

*Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long:* Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đối với bị cáo Nguyễn Thanh N:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm d khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 27/11/2021.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn H:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm d, h, o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 15/12/2021.

- Đối với bị cáo Nguyễn Đức L:

Căn cứ các điểm d, đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm d, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức L từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16/12/2021.

- Đối với bị cáo Lê Hữu T2: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm d khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu T2 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 12/4/2022.

- Đối với bị cáo Lê Hữu N2:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm d khoản 1 Điều 52, Điều 91, Điều 101, Điều 17 và Điều 58 bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu N2 từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật bắt bị cáo chấp hành án.

**Về trách nhiệm dân sự:** Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm của các bị cáo cho bị hại số tiền 92.372.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Số tiền bồi thường được trừ vào số tiền bị hại đã nhận là 60.000.000 đồng, số tiền còn lại 32.372.000 đồng các bị cáo bồi thường tiếp.

Ngoài ra, vị còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự; dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Lê Hữu T2:* vị thống nhất với nội dung cáo trạng và tội danh mà vị đại diện Viện kiểm sát đã truy tố đối với Lê Hữu T2. Bị cáo Tình phạm tội không có tính côn đồ, không giúp sức tích cực cho bị cáo Hậu như quan điểm luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát, vị phân tích những tình tiết, về nhân thân, về điều kiện hoàn cảnh của bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tình hình phạt thấp nhất.

*Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Lê Hữu N2:* vị thống nhất với nội dung cáo trạng và tội danh mà vị đại diện Viện kiểm sát đã truy tố đối với Lê Hữu N2. Vị phân tích về nhân thân, điều kiện hành vi phạm tội của bị cáo Nghĩa, bị cáo Nghĩa khi phạm tội là người chưa thành niên còn hạn chế về mặt nhận thức nên dẫn đến phạm tội. Vị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết có lợi cho bị cáo để bị cáo được hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét

xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Càng Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đồng thời các bị cáo H, N, N2, L và T2 thống nhất với bản kết luận giám định pháp y số: 150/21/TgT ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Trà Vinh.

**[1]** Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Thanh N, Nguyễn Văn H, Lê Hữu N2, Lê Hữu T2 và Nguyễn Đức L tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cùng với các tài liệu, vật chứng và các chứng cứ khác do cơ quan điều tra Công an huyện Càng Long thu thập có được trong hồ sơ vụ án.

Do vậy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh N, Nguyễn Văn H, Lê Hữu N2 và Lê Hữu T2 về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 và bị cáo Nguyễn Đức L về tội "Cố ý gây thương tích" theo các điểm d, đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng qui định pháp luật.

**[2]** Tính chất của vụ án là nghiêm trọng. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Các bị cáo nhận thức được hành vi dùng dao gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì mâu thuẫn nhỏ với vợ chồng anh Cầu mà các bị cáo dùng dao chém anh Cầu gây thương tích. Trước đó, các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Đức L từng có tiền án, chưa được xóa án tích, đáng lẽ khi chấp hành án xong trở về tái hòa nhập cộng đồng, các bị cáo phải biết sửa chữa lỗi lầm của mình để trở thành một công dân tốt, sống có ích cho bản thân, gia đình và xã hội nhưng các bị cáo không làm được, trong khi đó các bị cáo N, L, T2 và N2 không quen biết và cũng không mâu thuẫn gì với bị hại C nhưng cùng với bị cáo H dùng dao đâm, chém bị hại C gây thương tích tỷ lệ 25%.

**[3]** Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bởi vì sức khỏe của con người là vốn quí của xã hội và được pháp luật hình sự bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến sức khỏe của người khác điều phải được xử lý nghiêm theo qui định pháp luật. Các bị cáo nhận thức và biết được rằng con dao là loại hung khí nguy hiểm đâm, chém vào người khác sẽ gây thương tích, tổn hại đến sức khỏe và kể cả đến tính mạng. Trong vụ án này chỉ vì xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ giữa vợ chồng bị hại C và bị cáo H mà các bị cáo dùng con dao là hung khí nguy hiểm chém gây thương tích cho bị hại Nguyễn Văn C với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 25%, hành vi của các bị cáo thể hiện sự xem thường pháp

luật, xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác, đồng thời gây mất an ninh, trật tự trị an trên địa bàn, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của người khác. Do đó, việc đưa các bị cáo ra xét xử công khai là cần thiết, làm gương cho những đối tượng thích sử dụng vũ lực một cách trái pháp luật để giải quyết các mối quan hệ xã hội.

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò khác nhau vì vậy cần phải xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để lên cho các bị cáo một mức hình phạt tương xứng và phù hợp với qui định của pháp luật.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn H: bị cáo là người giữ vai trò chính, bị cáo rủ rê và chỉ chỗ cho các bị cáo N, L, T2, N2 ẩn nấp hai bên đường, khi phát hiện C thì bị cáo cầm đá ném vào xe mô tô của C, từ đó các bị cáo N, L và N2 nhanh chóng xông ra chém và đâm với nhóm của C, hậu quả làm cho bị hại C bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 25%. Bị cáo xúi giục bị cáo N2 là người chưa thành niên thực hiện hành vi phạm tội. Trước đó bị cáo H từng có một tiền án về tội "Cướp tài sản" chưa được xóa án tích mà tiếp tục vi phạm. Từ đó cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo thấp và có tư tưởng xem thường pháp luật. Do đó cần xử phạt bị cáo một hình phạt thật nghiêm thì mới có thể cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho bản thân và gia đình, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thanh N: bị cáo mặc dù không đứng ra rủ rê hay phân công nhưng khi được bị cáo H báo là hẹn nhóm bị hại C gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn thì đồng ý tham gia. Khi thấy bị hại C ngã xe và sau khi nhặt được cây dao tự chế do Hồ Vũ L1 làm rớt thì liền dùng dao chém trúng một nhát vào chân phải của C làm C té xuống đất, mặc dù giữa bị cáo với bị hại C không quen biết và không có mâu thuẫn gì với nhau. Tuy bị cáo chưa có tiền án nhưng trước đây bị cáo đã bị khởi tố về tội "Cố ý gây thương tích" nhưng bị cáo không biết sửa chữa. Từ đó cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo thấp và có thái độ xem thường pháp luật. Vì vậy cũng cần xử phạt bị cáo một hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội thì mới có thể cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho bản thân và gia đình, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

- Đối với bị cáo Nguyễn Đức L: bị cáo được chị C1 nhờ giúp giải quyết mâu thuẫn và kiếm người phụ đánh nhau thì đồng ý tham gia và khi hay tin bị cáo H và bị hại C gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn thì đứng về phía bị cáo H. Bị cáo ẩn nấp đợi tín hiệu của bị cáo H, khi thấy bị cáo H ném đá vào xe mô tô của bị hại C thì bị cáo cùng với các bị cáo khác nhanh chóng chạy ra để hỗ trợ và cùng truy đuổi tấn công đến cùng, khi nhìn thấy bị hại C bị chém té ngã xuống lộ nhựa nằm ôm chân, không còn sức kháng cự nhưng bị cáo vẫn tiếp tục xông đến đá vào người C và dùng dao đang cầm trên tay đâm vào vùng vai lưng bên trái của C một cái gây thương tích. Trước đó bị cáo L từng có ba tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích mà tiếp tục vi phạm. Từ đó cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo rất thấp và có tư tưởng xem thường pháp luật. Do đó cần xử phạt bị cáo một hình phạt thật nghiêm thì mới có thể cải

tạo và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho bản thân và gia đình, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

- Đối với bị cáo Lê Hữu N2: bị cáo khi hay tin bị cáo H chuẩn bị đánh nhau với bị hại C thì bị cáo chuẩn bị một con dao Thái Lan cất trong người nhằm làm hung khi đánh nhau với bị hại C. Mặc dù không được bị cáo H phân công nhưng ngầm hiểu và chung ý chí là sẽ cùng với bị cáo H đánh nhau với bị hại C. Khi bị cáo H ném đá vào xe mô tô của C và C1 làm xe ngã thì bị cáo cầm dao cùng các bị cáo khác rượt đuổi C, bị cáo cầm dao chém trúng vào vùng mông trái của C một cái làm C giảm sức kháng cự, tạo điều kiện cho bị cáo N chém gây thương tích cho bị hại C, mặc dù giữa bị cáo với bị hại C không quen biết và không có mâu thuẫn gì với nhau. Từ đó cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo thấp và có tư tưởng xem thường pháp luật. Vì vậy cũng cần xử phạt bị cáo một hình phạt nhất định, tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội thì mới có thể cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho bản thân và gia đình, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

- Đối với bị cáo Lê Hữu T2: mặc dù bị cáo không gây thương tích cho bị hại C nhưng khi được bị cáo H điện thoại ra cua Mỹ Huê để phụ bị cáo H đánh nhau thì đồng ý tham gia và khi đi thì có chuẩn bị một số hung khí như ná và một con dao Thái Lan. Trong lúc nấp đợi bị hại C đến thì đưa con dao Thái Lan cho bị cáo L để gây thương tích cho bị hại C, mặc dù giữa bị cáo với bị hại C không quen biết và không có mâu thuẫn gì với nhau. Vì vậy cũng cần xử phạt bị cáo một hình phạt nhất định, tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội thì mới có thể cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho bản thân và gia đình, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

**[4]** Để ổn định tình hình trật tự ở địa phương, vì vậy cần xử phạt các bị cáo một mức hình phạt tù tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Hội đồng xét xử cũng cần xem xét những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo:

- *Tình tiết tăng nặng:*

Các bị cáo Nguyễn Thanh N và Lê Hữu N2 phạm tội thuộc trường hợp có tính chất côn đồ theo điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Nguyễn Đức L phạm tội thuộc trường hợp có tính chất côn đồ và tái phạm nguy hiểm theo các điểm d, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội thuộc trường hợp có tính chất côn đồ, xúi giục người chưa thành niêm phạm tội và tái phạm theo điểm d, h, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- *Tình tiết giảm nhẹ:*

Bị cáo Nguyễn Văn H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục hậu quả; gia đình thân nhân có công với cách mạng gồm: Ông Đinh Văn V và ông Mai Văn H là Liệt Sĩ.

Bị cáo Nguyễn Đức L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình thân nhân có công với cách mạng gồm: ông Nguyễn Văn Đ được nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba.

Bị cáo Nguyễn Thanh N sau khi phạm tội ra đầu thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục hậu quả; gia đình thân nhân có công với cách mạng, bà Nguyễn Thị N (bà cố) là Mẹ Việt Nam anh hùng, ông Lê Văn Đ là Liệt Sĩ.

Các bị cáo Lê Hữu N2 và Lê Hữu T2 trong quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục hậu quả; gia đình thuộc diện hộ nghèo.

Tại phiên tòa bị hại Nguyễn Văn C xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Thanh N, Lê Hữu T2 và Lê Hữu N2.

Đây là tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với Bùi Hoài B không đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý gây thương tích nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Càng Long không xử lý là có cơ sở.

Đối với Dương Quốc C2, Nguyễn Duy T5, Hùynh Nhựt N3 và Nguyễn Ngọc N4 không có giúp sức cho bị cáo Nguyễn Văn H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Càng Long không truy cứu trách nhiệm hình sự là đúng quy định pháp luật.

Đối với Hồ Vũ L1 qua làm việc không thừa nhận mang theo hung khí và cũng không gây thương tích cho người khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Càng Long không xử lý là có cơ sở.

Đối với Võ Văn T4 và Lê Trọng H1 không chuẩn bị hung khí, không gây thương tích cho người khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Càng Long không có xem xét xử lý là đúng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Càng Long có lập biên bản kiểm tra vết thương trên người của bị hại Hà Thanh C1. Nhưng bị hại Hà Thanh C1 có đơn không yêu cầu giám định và không yêu cầu xử lý hình sự và bồi thường về trách nhiệm hình sự.

**[5] Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại Nguyễn Văn C yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền là 92.372.000 đồng (bao gồm tiền thuốc, tiền xe, tiền ngày công lao động và tiền tổn thất tinh thần). Các bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền này cho bị hại C. Xét thấy sự tự nguyện bồi thường của bị cáo là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Số tiền bồi thường được trừ vào số tiền 60.000.000 đồng do các bị cáo đã bồi thường cho bị hại trước đây, số tiền còn lại 32.372.000 đồng các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho bị hại.

**[6] Về vật chứng:**

- 01 nón kết màu đen - xám có chữ nón sơn, đã qua sử dụng;

- 01 áo sơ mi dài tay màu đen, trên cổ áo có chữ KOG, đã qua sử dụng;

- 01 quần Jean dài màu xám, trên lưng quần có chữ GREENPAN, đã qua sử dụng;

- 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, trên cổ áo có chữ MILANO, lưng áo có hình bông hồng màu đỏ, đã qua sử dụng;

- 01 quần Jean dài màu đen, trên lưng quần có chữ JEANS, đã qua sử dụng;

- 01 áo khoát dài tay màu xám, đã qua sử dụng;

- 01 quần sọt Jean màu đen, đã qua sử dụng;

- 01 cục gạch không nung (kt 4 x 4 x 8cm);

- 01 cục gạch không nung (kt 4 x 7 x 8cm);

- 01 cục đá (kt 8 x 13 x 9cm);

- 01 cây gậy 3 khúc bằng kim loại;

- 01 cây dao Thái Lan có tổng chiều dài 21cm (phần cán bằng nhựa màu vàng dài 10cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 11cm), phần mũi nhọn bị gãy;

- 02 cây ná bằng kim loại, có gắn dây thun, đã qua sử dụng;

- 01 bịch đạn bằng kim loại (đạn bắn ná), đã qua sử dụng;

Là vật chứng vụ án không còn giá trị sử dụng, tuyên tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Vision màu đỏ, biển số 84L1-357.07, đã qua sử dụng (số máy JF58E0524868) của bà Ngô Thị Ngọc A, không liên quan đến hành vi phạm tội, tuyên trả cho bà A.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream màu xanh, biển số 84B1-124.85, đã qua sử dụng (số máy: 150FMG310467421) của ông Phạm Văn N5, không liên quan đến hành vi phạm tội, tuyên trả cho ông N5.

- 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A12 màu xanh, màn hình cảm ứng, số IMEI: 354890387611540, đã qua sử dụng của bị cáo Lê Hữu T2 liên quan đến hành vi phạm tội, tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- 01 điện thoại di động Oppo A3S màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI1: 868125041092871, IMEI2: 868125041092863, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Đúc L không liên quan đến hành vi phạm tội, tuyên trả cho bị cáo L.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1901 màu xanh, màn hình cảm ứng, số IMEI: 3865308044441757, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Văn H liên quan đến hành vi phạm tội, tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- 01 điện thoại di động Oppo A15S màu xanh đen, màn hình cảm ứng, số IMEI1: 862562054818998 đã qua sử dụng của bị cáo Lê Hữu N2 không liên quan đến hành vi phạm tội, tuyên trả cho bị cáo N2.

- Đối với cây dao bị cáo N sử dụng chém gây thương tích cho C xong thì cầm chạy bộ một đoạn và lên xe do bị cáo H điều khiển chở bị cáo N2 và bị cáo N ngồi sau cùng, bị cáo N để cây dao trên hộc trước xe tay ga Vision của bị cáo H, trên đường bỏ chạy không xác định làm rơi địa điểm nào, do đó không xác định được địa điểm để truy tìm, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với cây dao bị cáo N2 chém gây thương tích cho C xong thì cất giấu dao trong người và lên xe bị cáo H điều khiển chở N2 về nhà tại khóm 5, thị trấn Càng Long. Sau khi đưa bị cáo N về nhà thì bị cáo H điều khiển xe chở N2 đi xuống thành phố Trà Vinh để trốn, khi đi ngang cầu Mỹ Huê thì bị cáo N2 đã

ném bỏ cây dao xuống dòng sông. Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm, kết quả không tìm được, Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 đĩa DVD-R Verbatin, chứa 02 đoạn video clip được trích xuất từ camera quan sát khu vực trước Quốc lộ 53 thuộc khóm 5 và khóm 6, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh là vật chứng vụ án, tuyên lưu vào hồ sơ vụ án để phục vụ xét xử.

**[7]** Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Xét quan điểm bào chữa của những người bào chữa cho các bị cáo Lê Hữu Tình và Lê Hữu Nghĩa có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

**[8] Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm:** Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh N và Nguyễn Đức L có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật. Các bị cáo Lê Hữu N2 và Lê Hữu T2 thuộc đối tượng hộ nghèo nên được miễn nộp.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 327, 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

**[1]** Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh N, Lê Hữu T2, Lê Hữu N2 và Nguyễn Đức L phạm tội "Cố ý gây thương tích".

[1.1] Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các điểm d, h, o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 04 (*bốn*) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 15/12/2021.

[1.2] Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm d khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N 03 (*ba*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 27/11/2021.

[1.3] Căn cứ các điểm d, đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các điểm d, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức L 04 (*bốn*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16/12/2021.

[1.4] Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu T2 02 (*hai*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 12/4/2022.

[1.5] Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm d khoản 1 Điều 52, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu N2 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật bắt bị cáo chấp hành án.

**[2] Về trách nhiệm dân sự:** căn cứ các Điều 584, 585, 586, 590 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật sự năm 2015;

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh N, Lê Hữu T2, Lê Hữu N2 và Nguyễn Đức L bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại Nguyễn Văn C số tiền 32.372.000 (*Ba mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi hai nghin*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**[3] Về vật chứng**: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

* *Tuyên tịch thu tiêu hủy:*

- 01 nón kết màu đen - xám có chữ nón sơn, đã qua sử dụng; 01 áo sơ mi dài tay màu đen, trên cổ áo có chữ KOG, đã qua sử dụng; 01 quần Jean dài màu xám, trên lưng quần có chữ GREENPAN, đã qua sử dụng; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, trên cổ áo có chữ MILANO, lưng áo có hình bông hồng màu đỏ, đã qua sử dụng; 01 quần Jean dài màu đen, trên lưng quần có chữ JEANS, đã qua sử dụng; 01 áo khoát dài tay màu xám, đã qua sử dụng; 01 quần sọt Jean màu đen, đã qua sử dụng; 01 cục gạch không nung (kt 4 x 4 x 8cm); 01 cục gạch không nung (kt 4 x 7 x 8cm); 01 cục đá (kt 8 x 13 x 9cm); 01 cây gậy 3 khúc bằng kim loại;

- 01 cây dao Thái Lan có tổng chiều dài 21cm (phần cán bằng nhựa màu vàng dài 10cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 11cm), phần mũi nhọn bị gãy;

- 02 cây ná bằng kim loại, có gắn dây thun, đã qua sử dụng;

- 01 bịch đạn bằng kim loại (đạn bắn ná), đã qua sử dụng;

** Tuyên trả:*

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Vision màu đỏ, biển số 84L1-357.07, đã qua sử dụng (số máy JF58E0524868) cho bà Ngô Thị Ngọc A.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream màu xanh, biển số 84B1-124.85, đã qua sử dụng (số máy: 150FMG310467421) cho ông Phạm Văn N5.

- 01 điện thoại di động Oppo A3S màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI1: 868125041092871, IMEI2: 868125041092863, đã qua sử dụng cho bị cáo Nguyễn Đức L.

- 01 điện thoại di động Oppo A15S màu xanh đen, màn hình cảm ứng, số IMEI1: 862562054818998 đã qua sử dụng cho bị cáo Lê Hữu N2.

** Tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước:*

- 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A12 màu xanh, màn hình cảm ứng, số IMEI: 354890387611540, đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1901 màu xanh, màn hình cảm ứng, số IMEI: 3865308044441757, đã qua sử dụng.

**[4] Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm:**

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh N và Nguyễn Đức L mỗi bị cáo có nghĩa vụ nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh N và Nguyễn Đức L liên đới nộp 1.618.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo Lê Hữu T2 và Lê Hữu N2 được miễn nộp tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm đã tuyên. Đối với người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký tên và đóng dấu)*

**Nguyễn Thị Kim Nhung**